

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẠC LIÊU
TỈNH BẠC LIÊU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 65/2022/HNGĐ-ST
Ngày 15 tháng 9 năm 2022
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẠC LIÊU, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Tân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Khuru Liên Dung
2. Bà Lâm Thị Nguyệt Hồ

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Tiểu My - Kiểm sát viên.

Trong ngày 15 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 214/2022/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2022 về tranh chấp ly hôn, nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2022/QĐXX-ST ngày 15 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Tô Văn N, sinh năm 1982

Địa chỉ: Ấp T, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu

- Bị đơn: Chị Nguyễn Lệ H, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số 5/42, đường L, khóm M, phường N, thành phố B, tỉnh Bạc Liêu
(Anh N và chị H vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Tô Văn N trình bày:

Về hôn nhân: Tôi và chị H tự nguyện chung sống vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức đám cưới theo phong tục. Chúng tôi đăng ký kết hôn ngày 12/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu. Quá trình chung sống, giữa chúng tôi phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không phù hợp tính tình, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không

thể hàn gắn được. Chủ yếu do không phù hợp tính tình, cách sống, cách quan hệ giao tiếp trong cuộc sống, mỗi khi không vừa ý, tôi góp ý thì chị H không tiếp thu và thay đổi mà ngược lại để vợ chồng xảy ra cự cãi to tiếng nhiều lần. Điều này khiến tôi cảm thấy mệt mỏi và áp lực, sống chung cảm thấy ngột ngạt, không thoải mái, gia đình không có hạnh phúc và không có được tiếng nói chung. Chúng tôi đã sống ly thân cách đây khoảng 06 năm. Chị H bỏ về nhà cha mẹ ruột ở số 5/42, đường Lò Rèn, khóm 7, phường 5, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu sống cho đến nay. Nay tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho tôi ly hôn với chị H do mâu thuẫn giữa chúng tôi đã kéo dài và không thể giải quyết được. Giữa chúng tôi không có tiếng nói chung và bản thân tôi cũng không thể có phương pháp nào khác để giải quyết mâu thuẫn với chị H nữa nên tôi yêu cầu tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với chị H.

- Về con chung: Tôi và chị H chung sống có một con chung tên Tô Kiều N1, sinh ngày 05/12/2013. Hiện nay cháu N1 đang sống với tôi và gia đình bên nội. Tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N1 sau khi ly hôn và không yêu cầu chị H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

* Đối với bị đơn chị Nguyễn Lệ H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, đã nhiều lần triệu tập chị H đến Tòa án để làm việc liên quan đến yêu cầu khởi kiện của anh N nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bất kỳ văn bản trình bày ý kiến nào cho Tòa án.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng:

Tòa án thụ lý giải quyết vụ án này là đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án đã tuân thủ trình tự tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử tại phiên tòa hôm nay thực hiện đúng trình tự thủ tục tố tụng dân sự.

Về nội dung: Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Tô Văn N với chị Nguyễn Lệ H. Cho anh Tô Văn N ly hôn với chị Nguyễn Lệ H. Về con chung: Giao con chung tên Tô Kiều N1, sinh ngày 05/12/2013 cho anh Tô Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu Nghi đang sống chung với anh N nên được giữ nguyên. Chị Nguyễn Lệ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Lệ H không phải cấp dưỡng cho cháu Nghi do anh N không yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết. Về án phí: Anh Tô Văn N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án; quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận thấy:

Về tố tụng:

[1] Anh Tô Văn N khởi kiện yêu cầu ly hôn với chị Nguyễn Lệ H. Chị H có nơi cư trú tại thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Anh N có đơn xin xét xử vắng mặt, chị H đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt anh N và chị H theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung:

[3] Về hôn nhân: Anh Tô Văn N và chị Nguyễn Lệ H tự nguyện chung sống như vợ chồng vào năm 2013, có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 12/02/2014 tại Ủy ban nhân dân xã Vĩnh Hậu, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu là có xảy ra trên thực tế nên quan hệ hôn nhân giữa anh N và chị H là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

[4] Anh N xác định: Quá trình chung sống, giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không phù hợp tính tình, thường xuyên xảy ra cãi vã, mâu thuẫn ngày càng gay gắt và không thể hàn gắn được. Chủ yếu do không phù hợp tính tình, cách sống, cách quan hệ giao tiếp trong cuộc sống, mỗi khi không vừa ý, anh góp ý thì chị H không tiếp thu và thay đổi mà ngược lại để vợ chồng xảy ra cự cãi to tiếng nhiều lần. Điều này khiến anh cảm thấy mệt mỏi và áp lực, sống chung cảm thấy ngột ngạt, không thoải mái, gia đình không có hạnh phúc và không có được tiếng nói chung. Anh chị đã sống ly thân cách đây khoảng 06 năm. Nay anh yêu cầu ly hôn với chị H.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy: Giữa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Việc anh chị thường xuyên xảy ra cự cãi do bất đồng quan điểm, không phù hợp về tính tình là không phù hợp trong nguyên tắc ứng xử của vợ chồng, tình trạng này nếu kéo dài sẽ gây tổn thương và áp lực về mặt tâm lý cho cả vợ và chồng, ảnh hưởng lớn đến hạnh phúc gia đình, thể hiện rõ ở việc anh chị đã sống ly thân 06 năm nay, không thể tiếp tục sống chung với nhau, anh chị đã sống ly thân một thời gian dài mà vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, không thể về sống chung lại với nhau được. Về phía chị H, Tòa án đã nhiều lần triệu tập làm việc để xác định ý kiến của chị đối với yêu cầu khởi kiện của anh N nhưng chị H đều vắng mặt không có lý do, điều này thể hiện chị H không có thiện chí hòa giải, không muốn giải quyết mâu thuẫn vợ chồng, không có nguyện vọng đoàn tụ gia đình để cùng nhau chăm lo cho con cái. Mặt khác, trong suốt quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, anh N xác định bản thân anh đã không còn tình cảm với chị H, không có yêu cầu đoàn tụ mà vẫn cương quyết yêu cầu ly hôn với chị H.

[6] Từ những phân tích trên cho thấy: Mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của anh chị đã đến mức trầm trọng, cuộc sống gia đình không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được.

[7] Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh N. Cho anh N được ly hôn với chị H.

[8] Về con chung: Anh N và chị H có một con chung tên Tô Kiều N1, sinh ngày 05/12/2013, hiện nay cháu Nghi đang sống với anh N. Anh N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Nghi sau khi ly hôn. Xét thấy cháu Nghi đang sống với anh N, giữa cha con đã có sự gắn bó tình cảm, cháu Nghi được chăm sóc, giáo dục tốt, phát triển bình thường và ổn định nên có cơ sở giao cháu Nghi cho anh N tiếp tục nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[9] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị H không phải cấp dưỡng cho cháu Nghi do anh N không yêu cầu.

[10] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[11] Về án phí: Anh N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[12] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của anh Tô Văn N với chị Nguyễn Lệ H. Cho anh Tô Văn N ly hôn với chị Nguyễn Lệ H.

2. Về con chung: Giao con chung tên Tô Kiều N1, sinh ngày 05/12/2013 cho anh Tô Văn N trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục sau khi ly hôn. Hiện nay cháu N1 đang sống chung với anh N nên được giữ nguyên. Chị Nguyễn Lệ H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Chị Nguyễn Lệ H không phải cấp dưỡng cho cháu Nghi do anh N không yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về án phí: Anh Tô Văn N phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh N đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0007604 ngày 25/5/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bạc Liêu được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND TP. Bạc Liêu;
- Chi cục THADS TP. Bạc Liêu;
- Các đương sự;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Lưu.

(Đã ký)

Trần Minh Tân